TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2018/HSST
Ngày: 21-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Thương

Bà Phạm Thị Hồng Phượng

-Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Minh Thắng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Khá - Kiểm sát viên;

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 199/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Lò Văn H, tên gọi khác: Không; sinh năm 1992, tại tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: SN 42, tổ dân phố 02, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn H1, sinh năm 1972 và con bà: Lò Thị B, sinh năm 1972; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Ngày 13/10/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Đ áp dụng biện pháp xử lý hành chính "Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc", thời hạn là 24 tháng; tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú vào ngày 09/5/2018, đến ngày 13/5/2018, bị cáo có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn thành phố Đ, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ khởi tố, bắt tạm giam về hành vi "Trộm cắp tài sản". Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ từ ngày 30/5/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Quàng Văn P, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Đội 03, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Nguyên đơn dân sự: Chị Quàng Thị L, sinh năm 1998.
Địa chỉ: Đội 03, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Văn H3, sinh năm 1984.
Nơi ĐKNKTT: Đội 07, xã T1, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
Chỗ ở: Đội C9B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Người làm chứng: Quàng Văn H2, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Đội 03, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

(Bị hại; Nguyên đơn dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt có lý do. Người làm chứng vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 28/04/2018, Quàng Văn P, sinh năm 1995, trú tại: Đội 03, xã T, huyện Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27 N1 – 018.42 nhãn hiệu: HONDA, loại xe: VISION, màu sơn: Đỏ-đen (mượn của em gái P là Quàng Thị L) đến nhà Quàng Văn H2, sinh năm 1992, trú tại: Đội 03, xã T, huyện Đ dựng xe dưới gầm sàn nhà H2 rồi vào nhà H2 chơi. Tại nhà H2, P gặp Lò Văn H, Lò Văn T1, sinh năm 1991, trú tại bản N, phường N, thành phố Đ và Nguyễn Thái T2, sinh năm 1991, trú tại bản P, xã T, huyện Đ đều là bạn quen biết của P, cả nhóm ngồi chơi một lúc thì H nhờ P chở ra ngoài đường nhưng P không đồng ý mà bảo H lấy xe mô tô 27N1-018.42 để đi. H thấy chìa khóa xe để trong mũ bảo hiểm lưỡi trai màu đen của P, để ở chân giường ngủ nên lấy chìa khóa xe và mũ bảo hiểm rồi lấy xe mô tô biển kiểm soát 27N1-018.42 điều khiển xe ra khỏi nhà H2, khi đó H2 nhìn và nghe thấy nội dung H trao đổi mượn xe mô tô của P, còn T1 và Tân2 do xem tivi nên không biết H và P trao đổi như thế nào. H lấy xe mô tô 27N1 – 018.42 của P đi đến đoạn đường thuộc khu vực bản P, xã T, huyện Đ thì H dừng xe tắt nguồn chiếc điện thoại di động H đang sử dụng, mục đích để mượn xe của P đi chơi mà không bị P đòi rồi điều khiển xe mô tô đến nhà bạn của H là Lò Văn T3, sinh năm 1995, trú tại đội 6, xã T1, huyện Đ ngủ qua đêm. Khoảng 8 giờ ngày 29/4/2018, H ngủ dậy mở cốp xe mô tô biển kiểm soát 27N1-018.42 ra xem thì thấy trong cốp xe có một giấy phép lái xe mô tô, một giấy đăng ký xe và một giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe mô tô, tất cả đều mang tên Quàng Thị L. Lúc này, H đã nảy sinh ý định mang xe mô tô 27N1-018.42 đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân và mua ma túy sử dụng. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô 27N1 – 018.42 đến quán mua bán xe máy cũ và dịch vụ cầm đồ HD ở Đội C9b, xã T, huyện Đ gặp Vũ Văn H3, sinh năm

1984 là chủ quán và nói dối H3 đó là xe của em dâu trong gia đình H, gia đình đang cần tiền nên đưa xe cho H đi bán, H thỏa thuận bán chiếc xe mô tô 27N1 – 018.42 cho H3 với giá 15.000.000 đồng, H nói với H3 khoảng 10 ngày sau có tiền sẽ đến mua lại chiếc xe. H3 không biết chiếc xe mô tô là do H phạm tội mà có nên đồng ý mua xe và đã làm giấy tờ mua bán xe với H. Sau khi bán xe H để lại chìa khóa xe, giấy đăng ký xe mang tên Quàng Thị L cho H3 rồi đội mũ bảo hiểm lưỡi trai màu đen, mang theo giấy phép lái xe, giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự mang tên Quàng Thị L đi bộ đến bản X, xã T2, huyện Đ để tìm mua ma túy sử dụng. Từ ngày 29/4/2018 đến ngày 08/5/2018, H ở tại một lán coi ngô ở bản X, xã T2, huyện Đ dùng toàn bộ số tiền 15.000.000 đồng để chi tiêu ăn uống và mua ma túy của những người không quen biết sử dụng hết. Chiếc mũ bảo hiểm lưỡi trai màu đen trong thời gian ở bản X, xã T2, huyện Đ H đã làm mất.

Khoảng 30 phút sau khi cho H mượn xe không thấy H mang xe về trả, P đã gọi điện thoại cho H nhưng không liên lạc được nên P ở lại nhà H2 để chờ H mang xe về trả, đến ngày 03/5/2018 không thấy H trả xe P đã về nhà báo sự việc cho gia đình rồi cùng em gái Quàng Thị L đi tìm xe, đến ngày 07/5/2018 thì phát hiện chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27N1 – 018.42 đang ở trong quán mua bán xe máy cũ và dịch vụ cầm đồ HD tại đội C9b, xã T, huyện Đ nên P và L đã làm đơn gửi cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đề nghị điều tra làm rõ. Ngày 08/5/2018, khi L đang ở nhà thì Lò Văn H mang giấy phép lái xe của L và giấy chứng nhận bảo hiểm của xe mô tô 27N1 – 018.42 trả cho L.

Ngày 07/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tạm giữ chiếc xe mô tô BKS 27N1 – 018.42, một giấy đăng ký xe mang tên Quàng Thị L và hợp đồng mua bán xe máy cũ giữa H3 và H đề ngày 29/4/2018 do Vũ Văn H3 giao nộp.

Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn H đã khai nhận lại toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Mọi lời khai hoàn toàn phù hợp với nội dung vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như đơn trình báo của bị hại, nguyên đơn dân sự; Kết luận định giá tài sản; Các bản cung có trong hồ sơ vụ án; Kết luận điều tra; Cáo trạng truy tố....

Kết luận định giá tài sản số 16/KL-ĐG ngày 08/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ đã kết luận: Một chiếc xe mô tô 02 bánh VISION nhãn hiệu HONDA màu đỏ - đen biển kiểm soát 27N1 – 018.42 giá trị 14.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 23/KL-ĐG ngày 12/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ đã kết luận: Mũ bảo hiểm loại lưỡi chai nửa đầu màu đen giá trị 90.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 145/CT - VKSĐB ngày 26/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bị cáo Lò Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát, không có ý kiến gì tranh luận.

Anh Quàng Văn P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Anh P không yêu cầu bị cáo bồi thường về giá trị chiếc mũ bảo hiểm lưỡi trai mà bị cáo H đã mượn của P.

Chị Quàng Thị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, chị đã nhận lại được tài sản là chiếc xe mô tô 27N1-018.42, chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì khác. Về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, chị L đề nghị xét xử theo quy định của Pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn H3, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng).

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng huyện Đ và những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng đã được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì, không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật và được chấp nhận.

[2]. Hành vi của bị cáo được chứng minh như sau: Ngày 28/4/2018, tại nhà của Quàng Văn H2 ở Đội 03, xã T, huyện Đ, Lò Văn H đã đặt vấn đề mượn xe mô tô biển kiểm soát 27N1 – 018.42 của Quàng Văn P, xe mô tô thuộc quyền sở hữu của em gái P là Quàng Thị L. Lợi dụng sự tin tưởng của P, Lò Văn H đã mang xe đi bán cho quán cầm đồ HD ở Đội C9b, xã T, huyện Đ, chủ quán là Vũ Văn H3 được số tiền 15.000.000 đồng, H đã dùng tiền đó mua ma túy sử dụng và chi tiêu ăn uống hết. H có nói với H3 khoảng 10 ngày sau có tiền sẽ đến mua lại chiếc xe, nhưng đó chỉ là cớ nhằm bao biện cho hành vi chiếm đoạt tài sản và cố tình trốn tránh pháp luật của mình, điều này cũng hoàn toàn phù hợp với lời khai nhận về khả năng kinh tế của bị cáo, bản thân bị cáo nghiện ma túy từ năm 2010, không có việc làm ổn định và không có khả năng trả nợ nên không thể có tiền để chuộc lại chiếc xe đã bán để trả lại cho Quàng Văn P. Như vậy, với trị giá của chiếc xe máy 14.000.000 VNĐ mà bị cáo đã chiếm đoạt thì hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội ***"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*** theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015. Bản cáo trạng của VKSND huyện Đ truy tố bị cáo ra xét xử trước phiên toà hôm nay là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng Pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[3]. Về tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo chỉ là bột phát, không có sự chuẩn bị trước về thời gian, địa điểm và phương thức phạm tội. Chỉ do bị cáo đã lợi dụng vào sự tin tưởng của bạn bè đã mượn xe để đi chơi, nhưng sau khi mượn xe mô tô thì nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe. Hành vi đó của bị cáo đã làm mất trật tự trị an, an toàn trong xã hội mà còn trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được Pháp luật bảo vệ. Chính vì vậy, việc phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm khắc bị cáo trước Pháp luật là thực sự cần thiết, nó không những giúp bị cáo thức tỉnh quay về con đường làm ăn lương thiện mà còn là một bài học cho những đối tượng đã và đang có hành vi tương tự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết nào tăng nặng. Bị cáo từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 10/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình. Ngày 13/10/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng, đến ngày 14/2/2018 chấp hành xong trở về địa phương sinh sống. Ngày 09/5/2018, Công an huyện Đ ra Quyết định khởi tố về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Trong quá trình điều tra vụ án H không có mặt tại địa phương không rõ đi đâu, làm gì nên ngày 23/5/2018, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đ ban hành Lệnh bắt để tạm giam, sau đó ngày 29/5/2018 ban hành Quyết định truy nã số 03. Ngày 30/5/2018 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ khởi tố và ra lệnh

bắt tạm giam về hành vi "Trộm cắp tài sản". Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Từ những phân tích trên cho thấy bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo Khoản 5 điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, song xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản là một chiếc xe mô tô BKS 27N1-018.42 nhãn hiệu HONDA; loại xe VISION, màu sơn đỏ - đen, xe đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 058205 mang tên Quàng Thị L, trú tại Đội 3, xã T, huyện Đ do bị cáo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt hiện Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã thu hồi trả lại cho Quàng Thị L vào ngày 31/5/2018. Tại phiên toà, chị Quàng Thị L có đơn xin vắng mặt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015. Số tiền do bị cáo bán xe tại hiệu cầm đồ HD của anh Vũ Văn H3 mà có, bị cáo đã tiêu sài hết, Anh H3 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 15.000.000 đồng mà anh đã mua chiếc xe mô tô đó, xét yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8]. Đối với anh Vũ Văn H3 là người đã mua chiếc xe mô tô BKS 27N1-018.42, qua điều tra xác định được trước khi mua chiếc xe mô tô thì anh H3 không biết đó là tài sản do H phạm tội mà có nên không đặt vấn đề xử lý đối với anh H3.

[9]. Anh Quàng Văn P đã đưa chiếc mũ bảo hiểm lưỡi chai màu đen cho bị cáo đội, do trong quá trình sử dụng H đã làm mất. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự định giá chiếc mũ bảo hiểm trị giá 90.000 đồng, do H không có mục đích chiếm đoạt chiếc mũ bảo hiểm cho nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý đối với phần trị giá chiếc mũ này, anh P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá chiếc mũ. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[9]. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và

điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Lò Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng án phí Dân sự sở thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Lò Văn H 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Áp dụng Khoản 2 Điều 47, Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Chấp nhận biên bản trao trả tài sản cho chị Quàng Thị L vào ngày 31/5/2018 tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, theo Quyết định xử lý vật chứng số 28 ngày 31/5/2018 (BL số 28).

- Chấp nhận sự tự nguyện của anh Quàng Văn P không yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá tài sản là chiếc mũ bảo hiểm lưỡi chai màu đen.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Vũ Văn H3 số tiền 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng).

Kể từ ngày anh Vũ Văn H3 có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền phải bồi thường, thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Lò Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/8/2018.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính.

Nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính.

Căn cứ điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thanh Thủy

Nơi nhận:
- VKSND t. Điện Biên;
- Tòa án ND T.P Điện Biên Phủ
- VKSND h. Điện Biên
- VKSND T.p Điện Biên Phủ
- Đội điều tra CA huyện ĐB.
- Nhà tạm giữ; tạm giam CA huyện Đ
- Trại giam.
- Phòng hsnv CA huyện ĐB
- Bị cáo.
- Bị hại
- Nguyên đơn dân sự
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Cơ quan THA. HS Công an huyện Đ
- Thi hành án Dân sự h. Điện Biên
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh Điện Biên
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- L- u hồ THA – HS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- L- u bộ phận.